



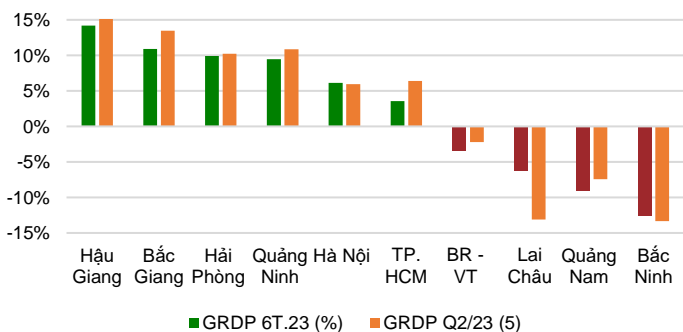
CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 05 NĂM 2023

GIẢM TỐC NHƯNG ĐÃ CHUYỂN BIẾN TÍCH CỰC TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC

Vừa qua Tổng cục Thống kê đã công bố số liệu vĩ mô tháng 05/2023 với nhiều điểm nhấn đáng chú ý. Agriseco Research kính gửi các anh/chị nội dung chính như sau:

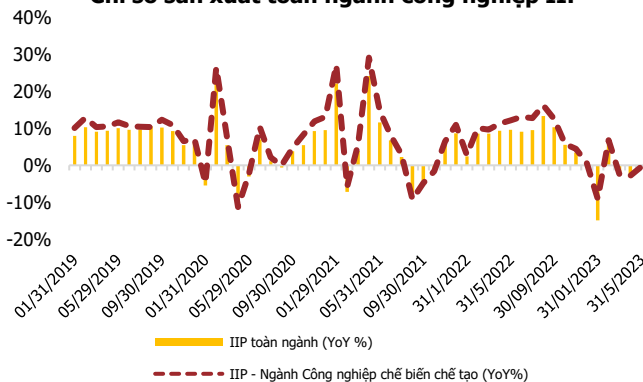
1. Tăng trưởng GRDP và Chỉ số sản xuất toàn ngành (IIP)

Ước tính tăng trưởng GRDP các tỉnh 1H2023



Nguồn: GSO, Agriseco Research

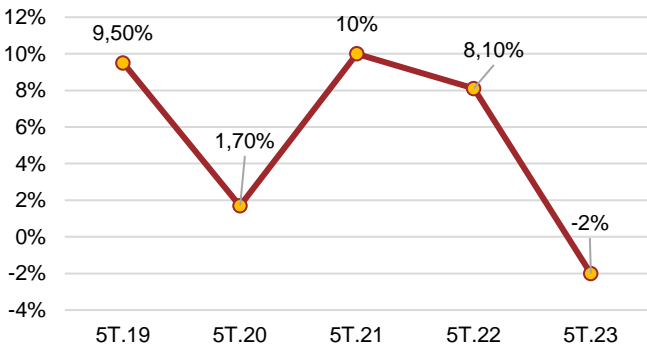
Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp IIP



Nguồn: GSO, Agriseco Research

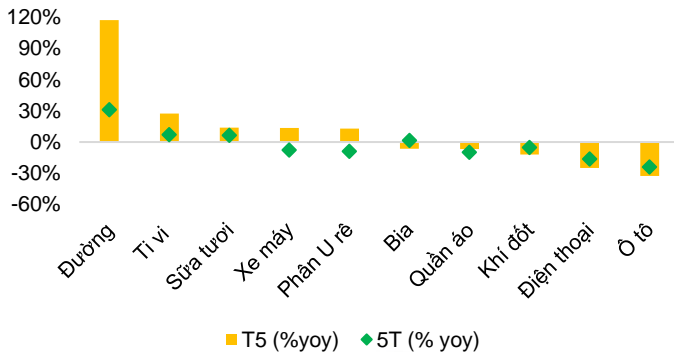
Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
GRDP	<ul style="list-style-type: none"> Tăng trưởng chậm 	Chỉ số GRDP ước tính 6 tháng đầu năm 2023 hầu hết các tỉnh thành công nghiệp lớn có tốc độ tăng trưởng giảm (Bắc Ninh, BR-VT). Theo ước tính cả nước chỉ có 26 tỉnh thành ghi nhận tăng trưởng GRDP 6 tháng đầu năm 2023 trên 6,5%. Hậu Giang, Bắc Giang, Hải Phòng vẫn ghi nhận tốc độ tăng tích cực nhờ hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng trưởng. Theo đó, GDP Quý 2 dự báo vẫn tăng trưởng thấp.
IIP tháng 5	<ul style="list-style-type: none"> Tăng 0,11% svck 2022 Tăng 2,2% so với tháng 4 	Chỉ số IIP cải thiện nhẹ nhờ nhóm công nghiệp chế biến chế tạo và sản xuất phân phối điện. Chỉ số IIP tăng mạnh ở các địa phương quy mô công nghiệp lớn như Thái Nguyên, Hải Dương, Bình Dương, Bắc Giang.
IIP 5 tháng	<ul style="list-style-type: none"> Giảm 2% svck 2022 	Chỉ số IIP 5 tháng thấp nhất so với các năm gần đây, cho thấy hoạt động sản xuất công nghiệp, chế biến tiếp tục khó khăn khi nhu cầu suy yếu. Chỉ số IIP giảm mạnh ở lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo với một số ngành trọng điểm như điện thoại, oto, quần áo. Ngược lại, các ngành tăng cao so với cùng kỳ như đường, sữa, tivi kỳ vọng sẽ duy trì đà tăng.

Chỉ số IIP 5 tháng đầu năm giai đoạn 2019 - 2023



Nguồn: GSO, Agriseco Research

Tốc độ tăng/giảm chỉ số IIP các sản phẩm công nghiệp trọng điểm tháng 5 và 5T/2023

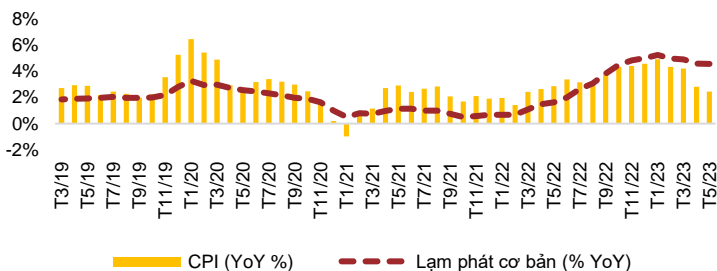


Nguồn: GSO, Agriseco Research

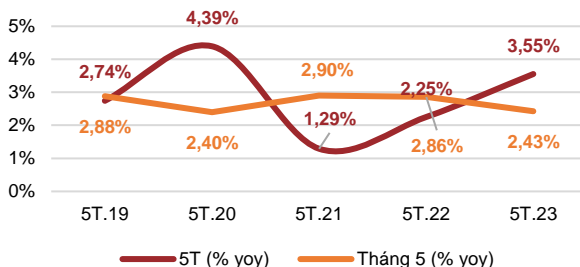
2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và lạm phát

Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
CPI tháng 5	<ul style="list-style-type: none"> Tăng 0,01% sv tháng 4 Tăng 2,43% svck 2022 	Chỉ số CPI tháng 5 tăng nhẹ chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm (giá thịt lợn); giá điện; nước tăng do thời tiết nắng nóng kéo dài. Ngược lại giá xăng dầu trong nước giảm cũng giúp giảm áp lực lạm phát trong tháng.
CPI bình quân 5 tháng đầu năm	<ul style="list-style-type: none"> Tăng 3,55% svck 2022 Lạm phát cơ bản: tăng 4,83% svck 2022 	CPI 5 tháng tăng do (1) Giá cả lương thực, thực phẩm tăng trở lại; (2) Giá các hàng hóa điện, nước, giáo dục gia tăng khi các chính sách hỗ trợ của Nhà nước hết hiệu lực. Mặc dù lạm phát được kiểm soát nhưng áp lực lạm phát nửa cuối năm vẫn còn khi giá các loại hàng hóa điện, y tế, giáo dục được điều chỉnh tăng trở lại, đồng thời mức lương cơ sở tăng.

Lạm phát cơ bản so với cùng kỳ năm trước (%)



Chỉ số CPI tháng 5 và 5 tháng giai đoạn 2019 - 2023

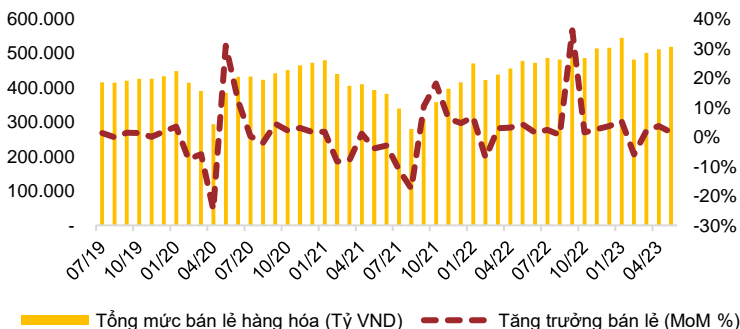


Nguồn: GSO, Agriseco Research

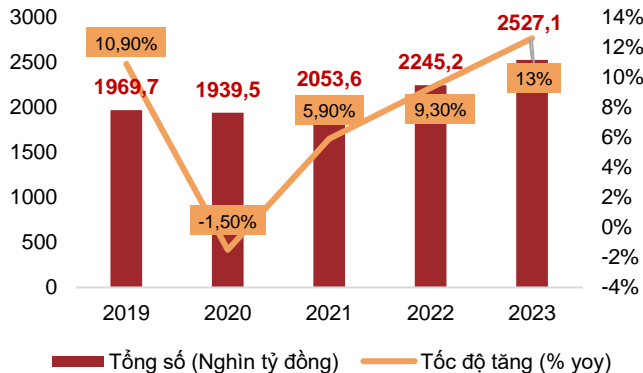
3. Bán lẻ & Tiêu dùng

Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
Bán lẻ hàng hóa, dịch vụ Tháng 5	<ul style="list-style-type: none"> Ước đạt 519 nghìn tỷ đồng Tăng 1,5% sv tháng 2 Tăng 11,5% svck 2022 	Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tăng khá nhờ doanh thu từ bán lẻ hàng hóa phục hồi tích cực so với tháng trước khi nhu cầu tiêu dùng hàng hóa ngày nghỉ lễ tăng. Tuy nhiên, nhóm dịch vụ lưu trú ăn uống tốc độ tăng trưởng có dấu hiệu giảm tốc.
Bán lẻ hàng hóa, dịch vụ 5 tháng	<ul style="list-style-type: none"> Ước đạt 2.527 nghìn tỷ đồng (+12,6% svck 2022) 	Tổng mức bán lẻ, tiêu dùng tăng cao hơn với giai đoạn trước nhưng đang giảm nhẹ so với mức tăng 4T/2023 cho thấy tín hiệu khả quan về sức cầu tiêu dùng bán lẻ hàng hóa. Sức cầu dự báo sẽ phục hồi trong nửa cuối năm khi các chính sách vĩ mô dần phản ánh.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ (Tỷ VND)



Tổng mức bán lẻ, tiêu dùng Quý I các năm 2019 - 2023



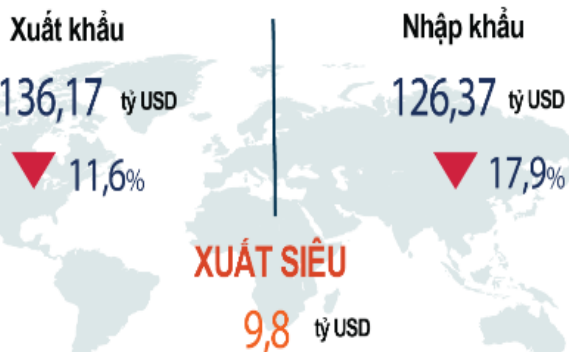
Nguồn: GSO, Agriseco Research

Nguồn: GSO, Agriseco Research

4. Xuất nhập khẩu

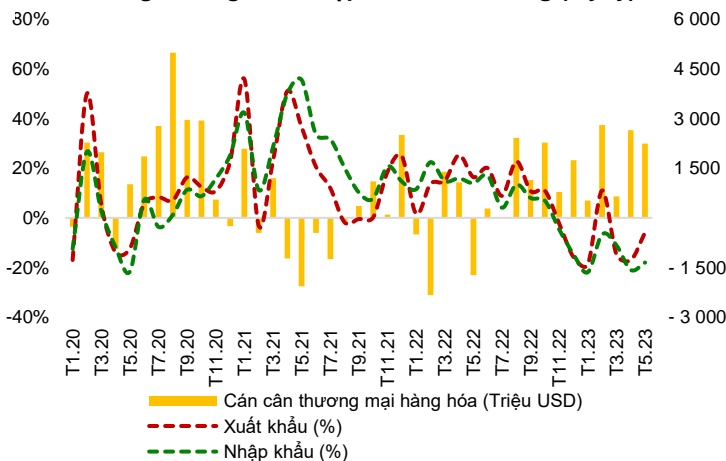
Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
Xuất, nhập khẩu Tháng 5	<ul style="list-style-type: none"> Xuất khẩu: 29,05 tỷ USD (-6% svck) Nhập khẩu: 26,81 tỷ USD (-18% svck) Xuất siêu: 2,24 tỷ USD 	Tình hình xuất khẩu tín hiệu khởi sắc so với tháng 4 nhờ tăng các hoạt động xúc tiến thương mại. Cán cân duy trì trạng thái xuất siêu nhờ khu vực vốn FDI. Tuy nhiên, so với cùng kỳ 2022 giá trị vẫn sụt giảm do nhu cầu tiêu dùng của các đối tác lớn giảm. Hoạt động thương mại dự báo tiếp tục khó khăn trong nửa đầu năm khi kinh tế thế giới đang trong giai đoạn suy thoái. Trong nửa cuối năm, hoạt động thương mại kỳ vọng sẽ khả quan hơn.
Xuất, nhập khẩu 5 tháng đầu năm 2023	<ul style="list-style-type: none"> Tổng kim ngạch XNK: 262,5 tỷ USD (-15% svck) Xuất khẩu: 136,17 tỷ USD (-12% svck) Nhập khẩu: 126,37 tỷ USD (-18% svck) Xuất siêu: 9,8 tỷ USD 	Hoạt động thương mại tiếp tục giảm ở các mặt hàng xuất khẩu lớn như điện thoại, máy tính giảm do số lượng đơn đặt hàng mới giảm tại các thị trường đối tác chính Mỹ và gia tăng cạnh tranh trên thị trường XK khi Trung Quốc mở cửa. Một số mặt hàng xuất khẩu kỳ vọng tăng trưởng khả quan trong thời gian tới: nông sản, gạo, giấy, sản phẩm hóa chất.

Tình hình xuất, nhập khẩu Quý I/2023



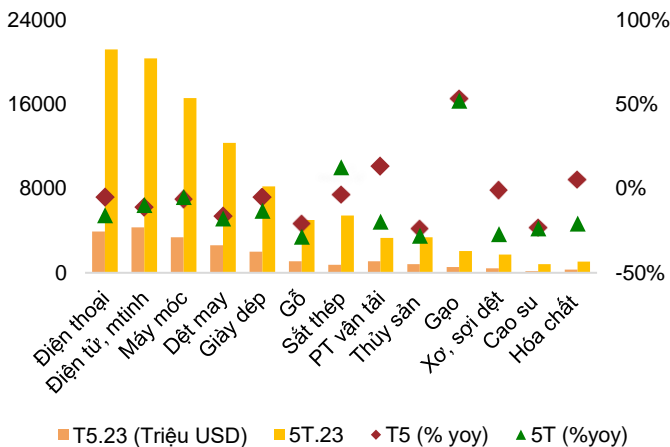
Nguồn: GSO, Agriseco Research

Tăng trưởng xuất nhập khẩu theo tháng (%yoy)



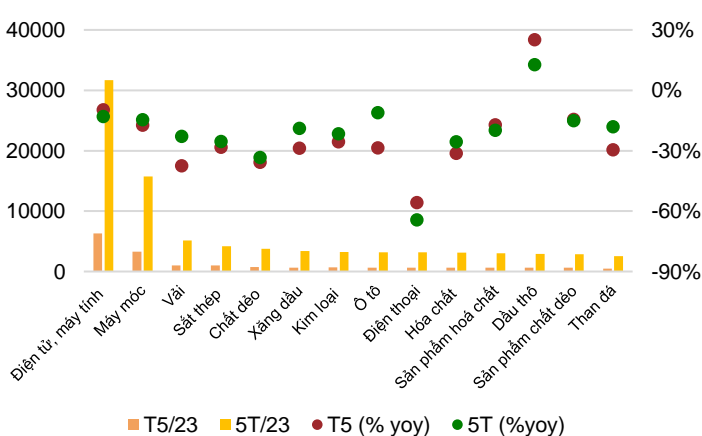
Nguồn: GSO, Agriseco Research

Giá trị xuất khẩu một số nhóm ngành lớn tháng 5 và 5T.2023



Nguồn: GSO, Agriseco Research

Giá trị nhập khẩu một số nhóm ngành lớn tháng 5 và 5T.2023

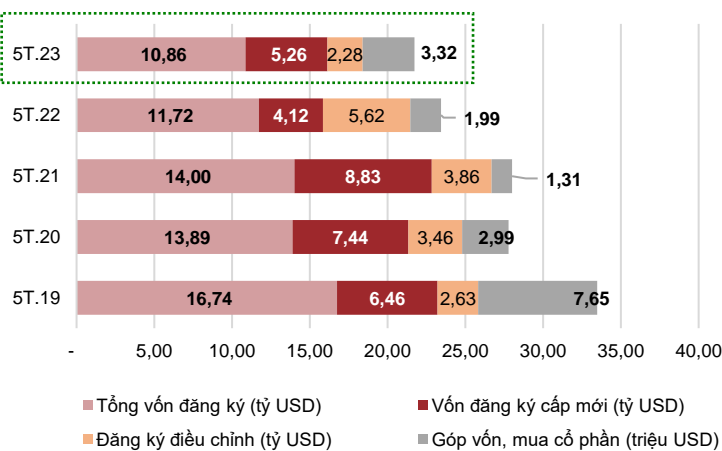


Nguồn: GSO, Agriseco Research

5. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI

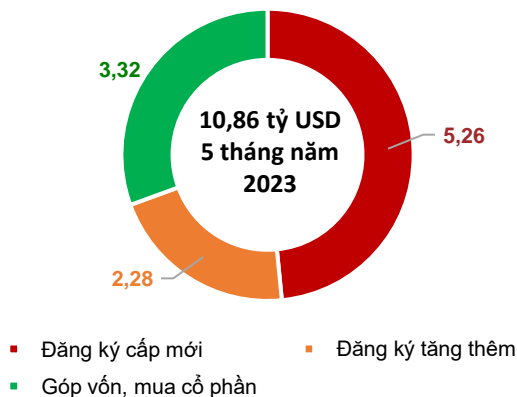
Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
Tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam	• 10,86 tỷ USD (Giảm 7,3% svck)	Tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam tiếp tục giảm trong điều kiện kinh tế toàn cầu bất ổn. Tuy nhiên đà giảm đã thu hẹp so với 4T/2023 (giảm 18% yoy) nhờ vốn FDI đăng ký mới và góp vốn, mua cổ phần tăng mạnh lần lượt là 28% và 67% svck.
FDI đăng ký cấp mới từ đầu năm	• 5,26 tỷ USD (Tăng 27,8% svck)	Vốn FDI và số dự án đăng ký mới đều tăng mạnh cho thấy Việt Nam vẫn tiếp tục thu hút dòng vốn FDI mới đầu tư từ các NĐT nhỏ và vừa. Bắc Giang, Hà Nội, TP. HCM, Bình Dương là các địa phương thu hút FDI lớn nhất cả nước. Dòng vốn FDI đang có dấu hiệu dịch chuyển sang các tỉnh thành cấp 2. Cụ thể, các tỉnh cấp 2 ghi nhận dòng vốn FDI tăng mạnh như Nam Định, Bình Phước, Tây Ninh.
FDI giải ngân từ đầu năm	• 7,65 tỷ USD (Giảm 0,8% svck)	Vốn thực hiện đã giảm đã chững lại so với lũy kế 4 tháng đầu năm. Đây cũng là tín hiệu tích cực giúp dòng vốn giải ngân có thể phục hồi nhẹ trong các tháng tới khi các dự án từ Lego, Aoen Mall sẽ sớm được đưa vào triển khai.

Dòng vốn FDI 5 tháng giai đoạn 2019 - 2023

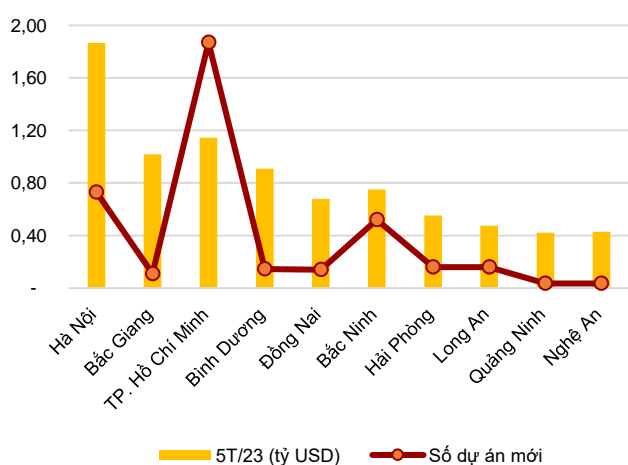


Nguồn: GSO, Agriseco Research

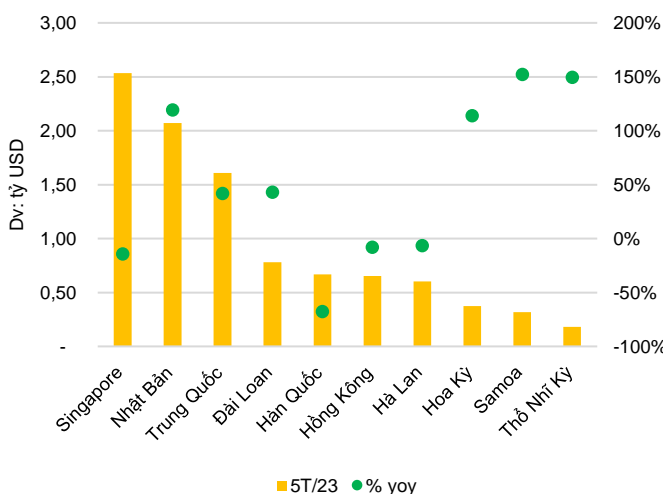
Tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam 5 tháng đầu năm 2023 (Đv: Tỷ USD)



Top 10 địa phương thu hút vốn FDI 5T/2023



Top 10 quốc gia đầu tư FDI vào Việt Nam 5T/2023



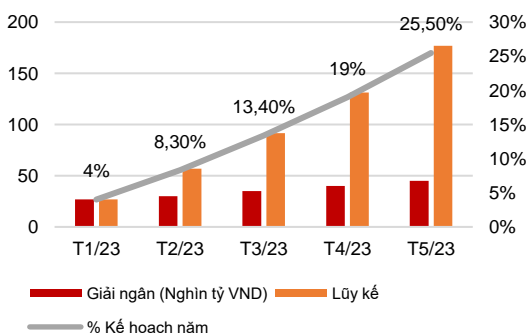
Nguồn: GSO, Agriseco Research

6. Đầu tư công

Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
Vốn đầu tư từ nguồn NSNN	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 5: Ước đạt trên 45 nghìn tỷ đồng, tăng 18% svck 2022 Lũy kế: 177 nghìn tỷ đồng (18% svck), bằng 25,5% kế hoạch năm 	Tốc độ giải ngân có sự cải thiện nhưng vẫn chậm so với kế hoạch năm do kế hoạch vốn năm 2023 lớn hơn 30% so với kế hoạch năm 2022. Trong tháng 6, Chính phủ cũng đang tập trung khởi công các dự án trong giai đoạn 2021 – 2025 điển hình là Vành đai 3 TP HCM, cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu, nhà ga sân bay Long Thành. Đầu tư công kỳ vọng giải ngân nhanh hơn trong các tháng tới.

Các dự án dự kiến khởi công trong tháng 6 và nửa cuối năm 2023

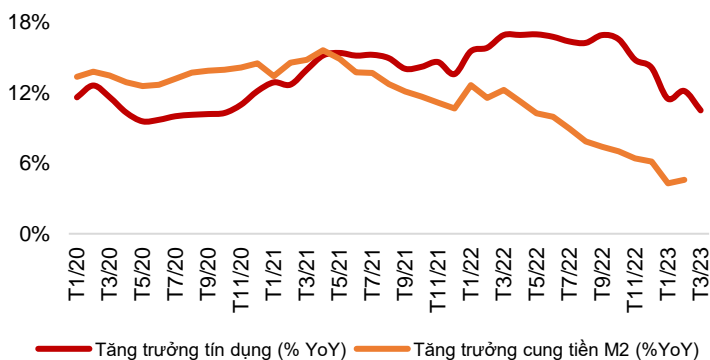
Dự án	Quy mô (km)	Tổng mức đầu tư (Nghìn tỷ VND)	Nội dung
Vành đai 3 TP HCM	76	75,4	Dự kiến khởi công 18/6, sớm hơn kế hoạch 10 ngày
Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu	54	17,8	Khởi công GD1 53,7km (qua Đồng Nai 34,2km; BR – VT 19,5km)
Cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột	117,5	21,9	Trước 30/6
Cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng	118	44,7	Trước 30/6
Vành đai 4 Hà Nội	113	85,8	Hoàn thành GPMB trong tháng

Tình hình giải ngân vốn NSNN các tháng 2023


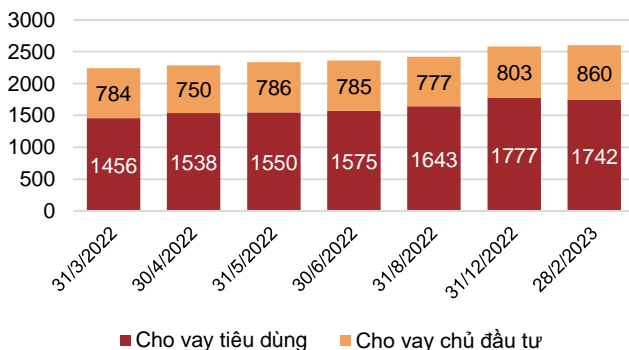
Nguồn: Bộ Tài chính, Agriseco Research

7. Cung tiền, tín dụng

Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
Cung tiền	<ul style="list-style-type: none"> Tính đến 20/2/2023, cung tiền tăng 0,32% so với cuối năm 2022 	Mức tăng cung tiền thấp nhất trong các năm trở lại đây. Tốc độ tăng trưởng cung tiền thấp giúp kiềm chế lạm phát, tuy nhiên một số khu vực tiếp tục có dấu hiệu khó khăn về thanh khoản.
Tín dụng	<ul style="list-style-type: none"> Cuối tháng 5, ước tăng 3,71% so với cuối năm 2022 (cùng kỳ 2022 tăng 8%) – theo thông tin từ NHNN 	Tín dụng tiếp tục tăng thấp do nhu cầu tín dụng giảm từ các doanh nghiệp sản xuất, DN vừa và nhỏ, nhóm DN BĐS. Nhu cầu tín dụng dự kiến khởi sắc hơn sau khi Chính phủ và các NHTM thực hiện giảm lãi suất điều hành và triển khai chương trình lãi suất vay ưu đãi cho các nhóm ngành (bất động sản, xuất nhập khẩu).

Tăng trưởng tín dụng và cung tiền M2 (% yoy)


Nguồn: SBV, Agriseco Research

Dư nợ tín dụng bất động sản (Nghìn tỷ đồng)


Nguồn: SBV, Agriseco Research

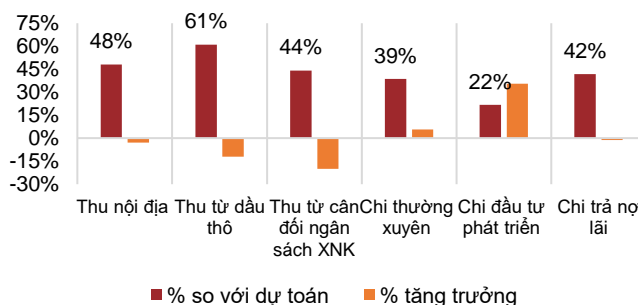
8. Thu chi ngân sách nhà nước

Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
Tháng 5	<ul style="list-style-type: none"> Thu: 103,4 nghìn tỷ VND Chi: 152 nghìn tỷ VND Thâm hụt: 48,6 nghìn tỷ VND 	Cán cân NSNN thâm hụt khi tiến độ thu ngân sách thấp ở các khoản thuế trong bối cảnh kinh tế khó khăn. Các khoản thuế thu từ đầu thô, xuất nhập khẩu cũng giảm. Chính phủ tích cực tăng chi đầu tư phát triển với mức tăng hơn 35% svck năm 2022.
5 tháng	<ul style="list-style-type: none"> Thu: 491,5 nghìn tỷ VND, bằng 30,3% dự toán năm, giảm 6% svck Chi: 363,4 nghìn tỷ VND, bằng 17,5% dự toán năm, tăng 11% svck Thặng dư 116,5 nghìn tỷ VND 	Cán cân ngân sách thặng dư sẽ đảm bảo các nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và tạo dư địa thanh toán các khoản nợ đến hạn của Chính phủ.

Thu, chi ngân sách Nhà nước 5 tháng năm 2023



Cơ cấu thu, chi 5T/2023 so với dự toán



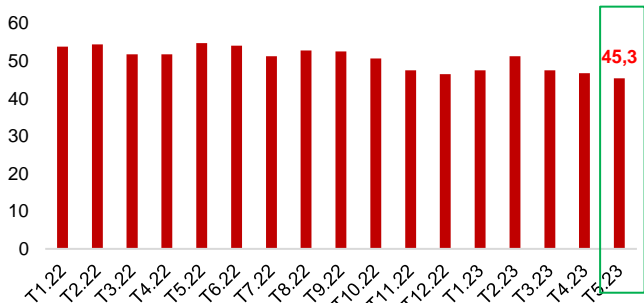
Nguồn: GSO, AGR Research

Nguồn: GSO, AGR Research

9. Chỉ số PMI, Tình hình hoạt động doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
Chỉ số PMI tháng 5	<ul style="list-style-type: none"> PMI tháng 5 đạt 45,3 điểm, giảm so với tháng 4, dưới ngưỡng trung tính 50 điểm. 	Chỉ số PMI tháng 5 giảm xuống mức thấp nhất kể trong vòng 20 tháng qua. Ngành sản xuất tiếp tục suy yếu khi sản lượng, số lượng đơn hàng, việc làm đều giảm mạnh. Khó khăn từ các thị trường xuất khẩu khi số lượng đơn đặt hàng mới từ nước ngoài giảm. Niềm tin kinh doanh cũng suy yếu. Nhu cầu giảm kéo theo áp lực lạm phát giảm. Dự báo triển vọng sản xuất và đơn hàng mới sẽ tiếp tục giảm.
Tình hình DN 5 tháng 2023	<ul style="list-style-type: none"> DN đăng ký mới và quay trở lại: 95 nghìn DN (-3,7% svck) DN rút lui: 88 nghìn DN (+23% svck) 	Số lượng doanh nghiệp đăng ký mới tập trung ở các nhóm dịch vụ du lịch, ăn uống; giáo dục; y tế và giảm mạnh ở nhóm bất động sản, vận tải. Kết quả điều tra xu hướng cho thấy 82% doanh nghiệp dự báo tình hình SXKD không tốt nửa cuối năm 2023. Dự báo xu hướng này sẽ tiếp diễn trong thời gian tới sẽ ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Chỉ số PMI



Nguồn: GSO, IHS Markit, Agriseco Research

Tình hình hoạt động doanh nghiệp 5T/2023



**KẾT LUẬN:****Đánh giá chung:**

- Bức tranh kinh tế tháng 5 tiếp tục khó khăn khi chỉ số PMI, sản xuất, đầu tư đều sụt giảm so với cùng kỳ; số lượng doanh nghiệp rút khỏi thị trường và tạm ngưng kinh doanh tăng mạnh. Việt Nam có độ mở lớn nên các thách thức từ vĩ mô quốc tế sẽ tiếp tục ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế Q2 tới. Tuy nhiên, một số tín hiệu khởi sắc đến từ: (1) Sản xuất công nghiệp và xuất khẩu phục hồi nhẹ so với tháng 4 tập trung ở nhóm công nghiệp chế biến, chế tạo; sản xuất điện; (2) Lạm phát, tỷ giá duy trì ổn định; (3) Mặt bằng lãi suất giảm bước đầu tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh; (4) Hoạt động bán lẻ, tiêu dùng tuy hồi phục chậm nhưng vẫn đóng góp vào đà tăng, trong đó du lịch phục hồi tích cực; (5) Đầu tư công có sự cải thiện tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng.
- Lạm phát được kiểm soát ở mức thấp tạo dư địa điều hành chính sách tài khóa, tiền tệ. Tuy nhiên cũng cần lưu ý đến yếu tố giá cả hàng hóa lương thực, thực phẩm cùng với hàng hóa cơ bản (điện, y tế, giáo dục) và chi phí lương cơ sở tăng sẽ tác động đến lạm phát.

Hàm ý đối với thị trường chứng khoán:

- Việc các động lực tăng trưởng kinh tế vẫn giảm cùng với thách thức từ vĩ mô toàn cầu, triển vọng lợi nhuận của các doanh nghiệp nhiều khả năng sẽ tiếp tục kém khả quan trong Q2/2023. Tuy nhiên, đà giảm của lợi nhuận trong Q2/2023 sẽ thấp hơn quý trước nhờ một số nhóm ngành triển vọng khởi sắc hơn. Giai đoạn này nhà đầu tư nên ưu tiên các nhóm ngành KQKD dự báo khả quan trong Quý 2, tình hình tài chính lành mạnh và ưu tiên nắm giữ đến hết Q2/2023 do các thông tin sẽ dần được phản ánh vào giá cổ phiếu. Một số nhóm ngành đáng chú ý trong Quý 2: dầu khí, điện, hàng không, dệt may, chăn nuôi, thép.
- Nhóm xuất khẩu: Trong bối cảnh tình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, Việt Nam nhiều khả năng vẫn duy trì xuất siêu chủ yếu do nhu cầu nhập khẩu yếu tuy nhiên tổng kim ngạch xuất nhập khẩu sẽ giảm sút. Số liệu xuất khẩu giảm hơn 18% trong tháng 5, sẽ ảnh hưởng đến KQKD các DN nhóm xuất khẩu đặc biệt trong nền tăng trưởng đầu kỳ cao của năm 2022.
- Nhóm Khu công nghiệp: Sự giảm tốc của dòng vốn FDI vào Việt Nam sẽ ảnh hưởng đến triển vọng nhóm khu công nghiệp. Theo báo cáo PCI 2022 của VCCI, chỉ có 33% doanh nghiệp FDI có kế hoạch mở rộng quy mô sản xuất trong năm tới, thấp nhất trong vài năm trở lại đây. Tuy nhiên, một số tỉnh thành vẫn đang duy trì FDI tốt như Bắc Giang, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Phòng. Do đó, triển vọng kinh doanh của nhóm này sẽ có sự phân hóa, cơ hội cho nhóm DN có quỹ đất sẵn sàng cho thuê lớn và ký được hợp đồng ghi nhớ cho thuê đất từ các năm trước.
- Nhóm hàng không, du lịch: Tăng trưởng số liệu về hàng không, du lịch cũng như lưu trú, ăn uống tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ điều cũng sẽ giúp cho kết quả kinh doanh các doanh nghiệp hàng không, dịch vụ du lịch, lưu trú khởi sắc hơn.
- Nhóm đầu tư công: Tín hiệu cải thiện từ tỷ lệ giải ngân đầu tư công và các dự án giao thông trọng điểm được triển khai kỳ vọng các DN vật liệu xây dựng, xây dựng phục hồi trong nửa cuối năm.
- Các chính sách hỗ trợ kỳ vọng hỗ trợ thị trường và các doanh nghiệp trong nền kinh tế trong nửa cuối năm: Bên cạnh các chính sách đã được ban hành, một số chính sách, luật mới cần lưu ý trong thời gian tới: *Luật Đất đai, Nhà ở, Kinh doanh Bất động sản dự kiến; Chính sách giảm thuế VAT, chính sách tăng lương cơ bản, Luật tín dụng, Dự thảo sửa đổi Thông tư 41/2016* (nới lỏng tín dụng cho BĐS KCN, NOXH). Các chính sách mới nếu được thông qua kỳ vọng giúp phục hồi sức cầu nền kinh tế cũng như phục hồi thị trường bất động sản, qua đó tạo hiệu ứng tâm lý tích cực đến thị trường chung.
- Một số nhóm hàng riêng lẻ có tình hình kinh doanh tốt như xuất khẩu gạo, giấy, sản phẩm hóa chất hay nhóm có câu chuyện riêng điện, dầu khí. Chúng tôi kỳ vọng các nhóm này sẽ có kết quả kinh doanh khả quan trong các quý tới. Đây có thể là các cơ hội tiềm năng để nhà đầu tư theo dõi.



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trụ sở chính 0246.2762.666

Tầng 5 tòa nhà Artex, 172 Ngọc Khánh, P. Giảng Võ, Q. Ba Đình, Hà Nội.

22 Cơ sở phát triển Dịch vụ tại chi nhánh Agribank khu vực Hà Nội

Miền Bắc 0243.8687.217

Chi nhánh miền Bắc Tầng 3, Tower 1, Times City, 458 Minh Khai, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, HN

80 Cơ sở phát triển Dịch vụ đặt tại chi nhánh Ngân hàng Agribank

Bắc Ninh	Tuyên Quang	Nghệ An	Bắc Giang II	Nam Sách	Ngô Quyền
Thái Bình	Thái Nguyên	Lào Cai	Bắc Nam Định	Kinh Môn	Cẩm Giang
Hòa Bình	Hải Phòng	Hà Nam	Vĩnh Phúc II	Thanh Miện	Phù Ninh
Hà Giang	Hải Dương	Hải Dương II	Bình Giang	Tứ Kỳ	Đoan Hùng
Sơn La	Quảng Ninh	Bắc Hải Phòng	Vĩnh Phúc	Gia Lộc	Hạ Hòa
Bắc Giang	Nam Định	Nam Nghệ An	Phú Thọ II	Ninh Giang	Kim Thành
Lạng Sơn	Thanh Hóa	Tây Quảng Ninh	Hà Nam II	Thành Đông	Dương Kinh
Đồ Sơn	Trần Phú	TP Hải Dương	Hải An	Mạo Khê	Mai Châu
Thanh Ba	Thanh Hà	Phương Lâm	Hưng Yên	Thuận Thành	Thị Xã Phú Thọ II
Uông Bí	Kiến Thụy	Sông Đà	TP. Bắc Ninh	Nam Ninh Bình	Sông Cầu
Lương Sơn	Kim Bôi	Gia Bình	Lương Tài	Định Hóa	Đồng Hỷ
Lạc Sơn	Cao Phong	Yên Phong	Quế Võ	Đại Từ	Lào Cai II
Tân Lạc	Nam Thanh Hoá	Bắc Yên Bái	Phú Lương	Võ Nhai	Bắc Kạn
				Tây Nghệ An	Lạc Thủy

Miền Trung 0236.367.1666

Chi nhánh miền Trung Tòa nhà Agribank, số 228 đường 2/9, P. Hòa Cường Bắc, Q.Hải Châu, TP Đà Nẵng.

22 Cơ sở phát triển Dịch vụ đặt tại chi nhánh Ngân hàng Agribank

Hà Tĩnh	Bình Định	Lâm Đồng	Nam Đà Nẵng	Quảng Bình
Đắk Lắk	Phú Yên	Ninh Thuận	Bắc Đắk Lắk	Bắc Quảng Bình
Quảng Nam	Khánh Hòa	Đắk Nông	Đông Gia Lai	
Quảng Trị	Gia Lai	Quảng Ngãi	Bình Thuận	
Huế	Kon Tum	Đà Nẵng	Hà Tĩnh II	

Miền Nam 0283.8216.362

Chi nhánh miền Nam 179A Nguyễn Công Trứ (2A Phó Đức Chính), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

PGD Nguyễn Văn Trỗi Số 207 Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

48 cơ sở phát triển dịch vụ đặt tại chi nhánh Ngân Hàng Agribank

Bạc Liêu	Bến Tre	Tân Phú	Bắc Đồng Nai	An Phú	Sài Gòn
Đồng Nai	An Giang	Phan Đình Phùng	Đông Long An	Thủ Đức 2	Chi nhánh 4
Bà Rịa – Vũng Tàu	Sóc Trăng	Thành Đô	TT Sài Gòn	Sông Thần	Chi nhánh 7
Tây Ninh	Cần Thơ	Vũng Tàu	Chi nhánh 3	Thủ Đức	Phú Nhuận
Đồng Tháp	Bình Dương	LÝ Thường Kiệt	Tân Bình	Bình Phước	Bình Thạnh
Vĩnh Long	KCN Tân Tạo	Nam Đồng Nai	Chi nhánh 11	Củ Chi	Nhà Bè
Tiền Giang	Xuyên Á	Miền Đông	CN Trường Sơn	CSPTDV 10	Gò Công Tiền Giang
Trà Vinh	Phú Quốc	Chợ Lớn	Sài Gòn	Hóc Môn	DL PGD Quận 5

KHUYẾN CÁO

Bản tin này (gồm các thông tin, ý kiến, nhận định và khuyến nghị nêu trong bản tin) được thực hiện/gửi với mong muốn cung cấp cho nhà đầu tư thêm các thông tin liên quan đến thị trường chứng khoán. Thông tin nêu trong bản tin được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy, tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo các thông tin nêu trong bản tin này là hoàn toàn chính xác và đầy đủ. Bản tin này được thực hiện/gửi bởi chuyên viên và không đại diện/nhân danh Agriseco. Agriseco không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

